

Số: 163/QĐ- STP

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2020 của Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2020 của Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà Chánh Văn phòng Sở và Kế toán trưởng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh KH;
- KBNN tỉnh KH;
- Lưu: VT, KT, kế toán.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Lan Phương



**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 163/QĐ-STP ngày 31/12/2019 của Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa

Đơn vị : triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX		Số được sử dụng
			Ngân sách giữ	Đơn vị giữ	
	TỔNG SỐ	10.949	399	140	10.410
A	Chi quản lý hành chính	6.990	247	100	6.643
1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	3.888	0	100	3.788
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	997		100	897
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	2.891			2.891
2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	570			570
3	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	2.532	247	0	2.285
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	47			47
	- Kinh phí phổ biến pháp luật	800	80		720
	- Kinh phí trang Web	50	5		45
	- Kinh phí thẩm định văn bản	120	12		108
	- Kinh phí Ban chỉ đạo Trợ giúp pháp lý	100	10		90
	- Chi đoàn ra, đoàn vào (Đoàn Lào)	350	35		315
	- Mua trang thiết bị hỗ trợ cho Lào	350	35		315
	- Trang phục cho 2 thanh tra	24			24
	- Quản lý XLVPHC và theo dõi THPL	135	14		121
	- Đề án công chứng, cập nhật dữ liệu	80	8		72
	- H/động Hộ tịch, Quốc tịch, nuôi con nuôi	50	5		45
	- H/động bồi thường NN, giao dịch bảo đảm	40	4		36
	- Xử lý thông tin LLTP tồn đọng trước 2018	78	8		70
	- Hoạt động hỗ trợ tư pháp	73	7		66
	- Nâng cấp trang thông tin điện tử PBGDPL	100	10		90
	- KP mua sắm, sửa chữa (máy lạnh, photocopy)	135	14		121
B	Chi sự nghiệp	3.959	152	40	3.767
I	Trung tâm trợ giúp pháp lý	3.178	147	40	2.991
1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	1.449	0	40	1.409
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	396		40	356
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	1.053			1.053
2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	203			203
3	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	1.526	147	0	1.379
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	27			27
	- Hoạt động TGPL theo Quyết định 32/2012/QĐ-TTg cho người nghèo, dân tộc	300	30		270
	- Hoạt động TGPL theo Thông tư 11 về TGPL trong hoạt động tổ tụng	120	12		108
	- Hoạt động TGPL theo Quyết định 3517/QĐ-UBND cho người khuyết tật	350	35		315
	- Trang phục cho Trợ giúp viên pháp lý	29			29
	- Hoạt động theo TT 209/2012/TTLT -BTC-BTP	700	70		630

STT	Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX		Số được sử dụng
			Ngân sách giữ	Đơn vị giữ	
II	Trung tâm Dịch vụ Đấu giá TS	771	5	0	766
1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	605	0	0	605
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	108			108
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	497			497
2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	104			104
3	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	62	5	0	57
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	12			12
	- Hoạt động mua sắm tập trung	50	5		45
III	Phòng Công chứng số 1	10	0	0	10
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	10			10

II. DỰ TOÁN CÁC KHOẢN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NSNN

STT	Nội dung	Tổng số	Để lại đơn vị	Nộp ngân sách
	Tổng số	6.300	4.766	1.534
1	Phí cung cấp thông tin LLTP, hộ tịch	1.300	1.016	284
3	Phí công chứng	5.000	3.750	1.250

